ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN LỘC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 2971/QĐ-UBND	*Xuân Lộc, ngày 30 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn xã Xuân Lộc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 1122A/TTr-KT ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của xã Xuân Lộc.

** Chi tiết số liệu theo các biểu số 108, 109, 110, 111, 112/CK TC-NSNN đính kèm.*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT-PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ XUÂN LỘC T. ĐỒNG NAI

Lê Khắc Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN LỘC

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm Quyết định số 2971 /QĐ-UBND ngày 30tháng 12 năm 2025 của UBND xã Xuân Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	**515,585**	**Tổng số chi**	**515,585**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	**25,880**	**I. Chi đầu tư phát triển**	**91,347**
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	**77,866**	**II. Chi thường xuyên**	**413,139**
III. Thu bổ sung	**411,839**	**III. Dự phòng**	**11,099**
- Bổ sung cân đối ngân sách	411,839		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			
V. Thu chuyển nguồn CCTL năm 2025 chuyển sang			

Ghi chú : (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN LỘC

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm Quyết định số 2971 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Xuân Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSĐP
	Tổng số thu	**26,320**	**13,330**	**165,740**	**103,746**
I	**Các khoản thu 100%**	**4,338**	**4,338**	**32,300**	**25,880**
	Phí, lệ phí	1,809	1,809	3,850	1,700
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	910	910	960	960
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp				
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định				
	Đóng góp của nhân dân theo quy định				
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				
	- Lệ phí trước bạ			19,620	19,620
	Thu khác	1,619	1,619	7,870	3,600
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**21,982**	**8,992**	**133,440**	**77,866**
1	Các khoản thu phân chia			0	0
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình				
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh				
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất				
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	21,982	8,992	133,440	77,866
	- Tiền sử dụng đất			56,500	45,200
	- Tiền thuê đất			675	540
	- Phí BVMT đối với hoạt động KTKS				
	- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
	- Thuế thu nhập cá nhân	5,896		21,815	
	- Thuế giá trị gia tăng	10,376	6,122	47,620	28,096
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			6,680	3,941
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	165	97	150	89
	- Lệ phí trước bạ	5,545	2,773		
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã**				
IV	**Thu chuyển nguồn**				
V	**Thu chuyển nguồn CCTL 2024 chuyển sang**				
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**				
	- Bổ sung cân đối ngân sách				
	- Bổ sung có mục tiêu				

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN LỘC

Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm Quyết định số 2971 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Xuân Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026		
		Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên
	Tổng số chi	**396,361**	**8,195**	**388,166**	**515,585**	**91,347**	**424,238**
	Trong đó	-					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	264,578		264,578	279,698		279,698
2	Chi khoa học và công nghệ	-			585		585
3	Chi quốc phòng	7,631		7,631	12,613		12,613
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	5,946		5,946	6,086		6,086
5	Chi y tế, dân số và gia đình	19		19	150		150
6	Chi văn hóa thông tin	4,108		4,108	7,147		7,147
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	428		428	300		300
8	Chi thể dục thể thao	515		515	400		400
9	Chi bảo vệ môi trường	3,350		3,350	10,092		10,092
10	Chi các hoạt động kinh tế	15,463	8,195	7,268	106,587	91,347	15,240
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	65,218		65,218	39,227		39,227
12	Chi bảo đảm xã hội	24,103		24,103	38,301		38,301
13	Chi thường xuyên khác	2,214		2,214	3,300		3300
14	Dự phòng chi ngân sách	2,788		2788	11,099		11099

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN LỘC

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Kèm Quyết định số 2971 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Xuân Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Dự toán năm 2026			
					Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ		**0**	**0**	**0**	**0**	**91,347**	**0**
	Nguồn chưa phân bổ (chưa có danh mục công trình)						91,347	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN LỘC

Biểu số 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026

(Kèm Quyết định số 2971 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Xuân Lộc)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM 2026		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**543,224,912**	**543,224,912**	**0**	**1,850,260,000**	**1,850,260,000**	**0**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	543,224,912	543,224,912	0	1,850,260,000	1,850,260,000	0
Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	62,201,520	62,201,520		414,360,000	414,360,000	
Quỹ vì người nghèo	399,256,392	399,256,392		621,540,000	621,540,000	
Quỹ vì trẻ em	33,831,000	33,831,000		207,180,000	207,180,000	
Quỹ chăm sóc người cao tuổi	0	0		207,180,000	207,180,000	
Quỹ Phòng chống thiên tai	47,936,000	47,936,000		400,000,000	400,000,000	
2. Các hoạt động sự nghiệp						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi